

Bản án số: 52/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 14-12-2020
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Truyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Tím

Bà Ngô Thị Oanh Kiều

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tài – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Kim Mau, Kiểm sát viên

Trong các ngày 20 tháng 11 năm 2020 và ngày 14 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 101/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 57/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/11/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20/11/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hứa Thị Đa N, sinh năm 1987. Địa chỉ: ấp NhT B, xã H Gi, huyện TrC, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- Bị đơn: Anh Lâm Văn Tr, sinh năm 1989. Địa chỉ: ấp NhT B, xã HGi, huyện TrC, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/3/2020 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hứa Thị Đa N trình bày: do mai mối nên chị và anh Lâm Văn Tr tự nguyện tiến tới hôn nhân, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NgL, huyện DH, tỉnh Trà Vinh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/4/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống chung bên cha mẹ chị tại ấp NhTB, xã HGi, huyện TrC khoảng 03 năm lúc đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, luôn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Đến năm 2010 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, vợ chồng

thường cự cãi nhau, anh Tr không quan tâm không lo cho gia đình, vợ con, anh Tr bỏ đi theo công trình không còn tin tức gì, cũng không liên lạc về thăm vợ con nên vợ chồng ly thân từ tháng 02 năm 2018 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lâm Văn Tr. Về con chung: tên Lâm Văn Ngh, sinh ngày 02/12/2007 và Lâm Văn Ph, sinh ngày 25/6/2011 hiện nay đang ở với chị nên chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Đối với yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con mỗi đứa 1.000.000 đồng mỗi tháng đến khi các con chung đủ 18 tuổi thì chị xin rút lại không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lâm Văn Tr đã được Tòa án triệu hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, không khai chứng cứ và hòa giải hai lần; đã được Tòa án triệu hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 20/11/2020 và ngày 14/12/2020 nhưng bị đơn anh Lâm Văn Tr vắng mặt, không lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Thẩm phán đã chưa thực hiện đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử theo khoản 1 Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Hứa Thị Đa N tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn anh Lâm Văn Tr chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng theo Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xét hỏi tại phiên tòa thể hiện giữa chị Hứa Thị Đa N và anh Lâm Văn Tr đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể hàn gắn được. Về con chung có 02 người hiện đang sống chung với chị Đa N, tại phiên tòa chị Đa N xin rút lại yêu cầu cấp dưỡng là tự nguyện. Về tài sản chung, nợ chung không có. Nguyên đơn chị Đa N là thuộc diện đồng bào dân tộc thiểu số (dân tộc Khmer) sống ở xã Hàm Giang là xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, các điều 35, 39, 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 9, 51, 53, 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đa N, cho chị Đa N được ly hôn với anh Lâm Văn Tr, giao hai con chung Lâm Văn Nghĩa, sinh ngày 02/12/2007 và Lâm Văn Ph, sinh ngày 25/6/2011 cho chị Hứa Thị Đa N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo nguyện vọng của các con chung. Về cấp dưỡng chị Hứa Thị Đa N xin rút lại yêu cầu đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không xét. Về án phí đề nghị miễn án phí cho chị Đa N.

+ Kiến nghị khắc phục vi phạm: Đề nghị Thẩm phán thực hiện đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử theo khoản 1 Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 14/4/2009 do chị Hứa Thị Đa N cung cấp thể hiện địa chỉ thường trú của bị đơn anh Lâm Văn Tr ở ấp S R, xã NgL, huyện DH, tỉnh Trà Vinh. Ngày 13/7/2010, anh Lâm Văn Tr đã được Công an xã HGi chấp nhận cho đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp NhT B, xã Hgi, huyện Tr C. Như vậy, có căn cứ xác định người khởi kiện chị Hứa Thị Đa N đã ghi đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn anh Lâm Văn Tr là ở ấp NhT B, xã HG, huyện TrC, tỉnh Trà Vinh. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tổng đạt được thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn anh Lâm Văn Tr. Căn cứ vào quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án thì Tr hợp này được coi là bị đơn anh Lâm Văn Tr cố tình giấu địa chỉ, Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung.

[2] Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt trực tiếp cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt tại nơi cư trú và cũng không có người thân nào nên Tòa án thực hiện thủ tục Nêm yết công khai các văn bản tố tụng từ khi thụ lý, thông báo về các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập bị đơn anh Lâm Văn Tr tham gia phiên tòa sơ thẩm xét xử vụ án theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ các Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Lâm Văn Tr.

[3] Chị Hứa Thị Đa N và anh Lâm Văn Tr xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 14/4/2009 tại Ủy ban nhân dân NgL, huyện DH, tỉnh Trà Vinh theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên hôn nhân của chị Đa N và anh Tr là hợp pháp. Sau kết hôn, chị Đa N và anh Tr chung sống có hai người con chung là thể hiện một gia đình hạnh phúc. Theo lời khai của chị Đa N đến năm 2010 xảy ra mâu thuẫn, Tòa án xác minh nguyên nhân mâu thuẫn gia đình thì anh Tr đã vắng mặt tại nơi cư trú điều này thể hiện lời khai của chị Đa N cho rằng vợ chồng đã sống ly thân là có thật. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải để động viên, thuyết phục để tạo điều kiện cho chị Đa N và anh Tr hàn gắn, đoàn tụ xây dựng gia đình nhưng không đạt kết quả do anh Tr không đến Tòa án tham gia tố tụng và anh Tr cũng không gửi văn bản nêu ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị Đa N. Tại phiên tòa chị Đa N cương quyết ly hôn. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Đa N và anh Tr đã mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 đến nay chứng tỏ đời sống chung không thể kéo dài, nếu có duy trì thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Đa N được ly hôn với anh Tr theo yêu cầu một bên.

[4] Về con chung: các con chung Lâm Văn Ngh, sinh ngày 02/12/2007 và Lâm Văn Ph, sinh ngày 25/6/2011 hiện đang sống với chị Đa N. Khi được Tòa án hỏi ý kiến thì hai con chung của chị Đa N và anh Tr có nguyện vọng sống chung với chị Đa N, hiện nay anh Tr không có mặt tại nơi cư trú sẽ không đảm bảo các điều kiện nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao Lâm Văn Ngh và Lâm Văn Ph cho chị Đa N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Đa N xin rút

lại yêu cầu anh Tr cấp dưỡng, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chị Đa N đã rút.

[5] Về tài sản chung không tranh chấp nên Tòa án không xem xét. Về nợ chung không có nên không giải quyết.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú là có cơ sở, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Nguyên đơn chị Hứa Thị Đa N thuộc diện người dân tộc thiểu số (dân tộc Khmer) sống ở xã HGi là xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn toàn bộ án phí cho chị Đa N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 177, 227, 228, 244 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các điều 56, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Hứa Thị Đa N về việc yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con đối với anh Lâm Văn Tr.

Cho chị Hứa Thị Đa N được ly hôn với anh Lâm Văn Tr.

2. Về con chung: Giao Lâm Văn Ngh, sinh ngày 02/12/2007 và Lâm Văn Ph, sinh ngày 25/6/2011 cho chị Đa N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Đình chỉ xét xử phần chị Hứa Thị Đa N rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con đối với anh Lâm Văn Tr.

Sau khi ly hôn, anh Lâm Văn Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu anh Lâm Văn Tr lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Hứa Thị Đa N có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền hạn chế quyền thăm nom con của anh Lâm Văn Tr.

3. Về tài sản chung: không tranh chấp nên Tòa án không giải quyết.

4. Về nợ chung: không có.

5. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho nguyên đơn chị Hứa Thị Đa N. Bị đơn anh Lâm Văn Tr không phải chịu án phí.

6. Quyền kháng cáo: chị Hứa Thị Đa N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Lâm Văn Tr vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được Nêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Trà Cú;
- CCTHADS huyện Trà Cú;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- UBND xã Ngũ Lạc, huyện Duyên Hải
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Truyền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Tím- Ngô Thị Oanh Kiều

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Trà Cú;
- CCTHADS huyện Trà Cú;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- UBND xã Tập Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Văn Truyền

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Truyền

HỘI THẨM

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Văn Quen- Trần Lệ Tuyết

Nguyễn Văn Truyền